



# CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 201 + 202

Ngày 01 tháng 7 năm 2026

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

15-5-2026	Quyết định số 29/2026/QĐ-UBND ban hành Quy chế mua sắm hàng hóa, dịch vụ áp dụng theo phương thức mua sắm tập trung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	03
23-5-2026	Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của Thành phố Hồ Chí Minh.	20

### VĂN BẢN KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

25-5-2026	Quyết định số 3048/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; và được sửa đổi, bổ sung trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao.	41
-----------	---	----

- 
- |           |  |    |
|-----------|--|----|
| 25-5-2026 | Quyết định số 3069/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.                    | 57 |
| 26-5-2026 | Quyết định số 3084/QĐ-UBND về việc bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành trước sắp xếp về định mức kinh tế - kỹ thuật đối với hoạt động báo in, báo điện tử, phát thanh và truyền hình sử dụng ngân sách Nhà nước. | 59 |
| 29-5-2026 | Quyết định số 3181/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ.  | 61 |
| 30-5-2026 | Chỉ thị số 47/CT-UBND về công tác tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026 và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2026 - 2027 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.   | 67 |

# VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29/2026/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế mua sắm hàng hóa, dịch vụ áp dụng theo  
phương thức mua sắm tập trung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu số 57/2024/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

*Căn cứ Nghị định số 286/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Thông tư số 69/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung cấp quốc gia;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 3277/TTr-STP ngày 31 tháng 3 năm 2026 và Công văn số 4525/STP-BTTP ngày 29 tháng 4 năm 2026; trên cơ sở ý kiến thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố;*

*Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định ban hành Quy chế mua sắm hàng hóa, dịch vụ áp dụng theo phương thức mua sắm tập trung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.*

### **Điều 1. Ban hành Quy chế**

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế mua sắm hàng hóa, dịch vụ áp dụng theo phương thức mua sắm tập trung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Điều khoản thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2026. Quyết định này thay thế Quyết định số 111/2024/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế về mua sắm hàng hóa, dịch vụ áp dụng theo phương thức tập trung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng tài sản thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Công Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY CHẾ

### Mua sắm hàng hóa, dịch vụ áp dụng theo phương thức mua sắm tập trung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2026  
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định các nội dung liên quan đến quy trình mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia và danh mục mua sắm tập trung cấp địa phương trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Quy chế này không áp dụng đối với việc mua sắm thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm; tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng tại đơn vị vũ trang nhân dân; tài sản của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài; tài sản mua sắm từ nguồn vốn viện trợ, tài trợ, nguồn vốn thuộc các chương trình, dự án sử dụng vốn nước ngoài mà nhà tài trợ có yêu cầu về mua sắm theo hình thức khác; tài sản mua sắm thuộc dự án đầu tư mà việc tách thành gói thầu riêng làm ảnh hưởng đến tính đồng bộ của dự án hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; Tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; việc mua sắm tài sản theo phương thức mua sắm tập trung của cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền thực hiện.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm cả tổ chức chính trị - xã hội, các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ), doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật và thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác mua sắm hàng hóa, dịch vụ áp dụng theo phương thức mua sắm tập trung trên địa bàn Thành phố.

3. Đơn vị được giao nhiệm vụ mua sắm tập trung của Thành phố (Đơn vị mua sắm tập trung).

### **Điều 3. Đơn vị mua sắm tập trung, đầu mối đăng ký mua sắm tập trung**

1. Đơn vị mua sắm tập trung thực hiện mua sắm đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và danh mục mua sắm tập trung cấp địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

2. Đầu mối đăng ký mua sắm tập trung:

a) Sở, ban, ngành là đầu mối đăng ký mua sắm tập trung trong trường hợp mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung phục vụ hoạt động của các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc.

b) Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu là đầu mối đăng ký mua sắm tập trung trong trường hợp mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung phục vụ hoạt động của các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc; của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cơ quan trung ương đóng trên địa bàn Thành phố được bố trí từ nguồn ngân sách của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu để mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung.

c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cơ quan trung ương đóng trên địa bàn Thành phố là đầu mối đăng ký mua sắm tập trung trong trường hợp được bố trí từ nguồn ngân sách của Thành phố để mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung.

d) Cơ quan cấp trên của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ là đầu mối đăng ký mua sắm tập trung đối với các trường hợp khác.

### **Điều 4. Danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung**

1. Hàng hóa, dịch vụ mua sắm tập trung cấp quốc gia theo danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung cấp quốc gia do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

2. Hàng hóa, dịch vụ mua sắm tập trung cấp địa phương theo danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung trên địa bàn Thành phố do Chủ tịch Ủy ban

nhân dân Thành phố ban hành.

### **Điều 5. Nguyên tắc trong mua sắm tập trung**

1. Việc mua sắm tập trung phải được thực hiện thông qua đơn vị mua sắm tập trung.
2. Mua sắm tập trung được thực hiện thông qua hình thức đấu thầu rộng rãi. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung đáp ứng điều kiện áp dụng hình thức chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh, đàm phán giá, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật về đấu thầu thì được áp dụng các hình thức tương ứng.
3. Việc mua sắm phải tuân thủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng danh mục hàng hóa, dịch vụ mua sắm tập trung và phù hợp với nhu cầu thực tế.
4. Thực hiện mua sắm trong phạm vi dự toán được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm và có hiệu quả.
5. Bảo đảm tính đồng bộ, hiện đại, phù hợp với yêu cầu, nội dung hoạt động và quá trình cải cách nền hành chính nhà nước, cải cách tài chính công. Ưu tiên mua sắm các sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng, được chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam hoặc đáp ứng tiêu chí môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế theo quy định của pháp luật về đấu thầu.
6. Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu.

## **Chương II**

### **QUY TRÌNH MUA SẮM TẬP TRUNG THEO CÁCH THỨC KÝ THỎA THUẬN KHUNG**

**Điều 6. Xây dựng, phê duyệt tiêu chuẩn kỹ thuật và mức giá dự toán của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung**

1. Đơn vị mua sắm tập trung có trách nhiệm xây dựng dự thảo tiêu chuẩn kỹ thuật và mức giá dự toán của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung và triển khai lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trước ngày 30 tháng 10 hàng năm.
2. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Đơn vị mua sắm tập

trung hoàn chỉnh dự thảo tiêu chuẩn kỹ thuật và mức giá dự toán của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung, thuê đơn vị tư vấn thẩm định đơn giá hàng hóa, dịch vụ, gửi hồ sơ đến Sở Tư pháp để chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành có liên quan rà soát, tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành văn bản phê duyệt tiêu chuẩn kỹ thuật và mức giá dự toán của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **Điều 7. Đăng ký nhu cầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ**

1. Căn cứ phạm vi dự toán ngân sách được giao, nguồn kinh phí được phép sử dụng và văn bản thông báo về việc đăng ký nhu cầu mua sắm của Đơn vị mua sắm tập trung, cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ có nhu cầu mua sắm tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung có trách nhiệm lập văn bản đăng ký mua sắm, gửi đầu mỗi đăng ký mua sắm tập trung để tổng hợp trước ngày 15 tháng 01 hàng năm.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ chịu trách nhiệm về việc đăng ký nhu cầu mua sắm tài sản của mình.

2. Trên cơ sở đăng ký của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ, đầu mỗi đăng ký mua sắm tập trung tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung và gửi văn bản đăng ký về Đơn vị mua sắm tập trung trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

3. Trường hợp quá thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này mà đầu mỗi đăng ký mua sắm tập trung không gửi nhu cầu mua sắm tập trung đối với tài sản đã được giao dự toán mua sắm thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung thì không được phép mua sắm tài sản đó.

Trường hợp phát sinh nhu cầu mua sắm tài sản thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung ngoài dự toán được giao đầu năm và đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt bổ sung dự toán mua sắm hoặc tự cân đối từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị mà đã hết thời hạn tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung, cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu mua sắm tổ chức thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu; không thực hiện mua sắm tập trung.

**Điều 8. Tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung**

Sau khi nhận được văn bản đăng ký mua sắm tập trung của đầu mối đăng ký mua sắm tập trung, Đơn vị mua sắm tập trung có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo mẫu số 04/TSC-MSTT ban hành kèm theo Nghị định số 186/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và hồ sơ mời thầu.

**Điều 9. Lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

1. Đơn vị mua sắm tập trung lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung theo quy định của pháp luật về đấu thầu, gửi Sở Tài chính xem xét, có ý kiến trước ngày 28 tháng 02 hàng năm.

2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung, Sở Tài chính xem xét, có ý kiến bằng văn bản và gửi Đơn vị mua sắm tập trung.

3. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến của Sở Tài chính, Đơn vị mua sắm tập trung phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

**Điều 10. Tổ chức lựa chọn nhà thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu**

1. Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Đơn vị mua sắm tập trung thực hiện lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Trường hợp Đơn vị mua sắm tập trung không đủ năng lực thì được phép thuê tư vấn đấu thầu thực hiện việc lựa chọn nhà thầu.

**Điều 11. Hoàn thiện, ký kết thỏa thuận khung về mua sắm tập trung**

1. Đơn vị mua sắm tập trung và nhà thầu trúng thầu hoàn thiện nội dung thỏa thuận khung theo quy định của pháp luật về đấu thầu, làm cơ sở ký kết thỏa thuận khung.

2. Nội dung thỏa thuận khung về mua sắm tập trung được thực hiện theo quy

định tại Nghị định số 214/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

### **Điều 12. Thông báo thỏa thuận khung và ký kết hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ**

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký kết thỏa thuận khung về mua sắm tập trung, Đơn vị mua sắm tập trung thông báo bằng văn bản đến các đầu mối đăng ký mua sắm tập trung để thông báo cho cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ để ký hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ với nhà thầu được lựa chọn.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Đơn vị mua sắm tập trung về thỏa thuận khung mua sắm tập trung, các đầu mối đăng ký mua sắm tập trung lựa chọn hình thức phù hợp thông báo cho cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ để ký hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ với nhà thầu được lựa chọn.

3. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của đầu mối đăng ký mua sắm tập trung về thỏa thuận khung, cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ ký kết hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ với nhà thầu đã được Đơn vị mua sắm tập trung ký thỏa thuận khung.

### **Điều 13. Bàn giao, tiếp nhận hàng hóa, dịch vụ**

1. Việc bàn giao, tiếp nhận hàng hóa, dịch vụ được thực hiện giữa nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ và cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ đã ký kết.

Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải lập thành Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản theo mẫu số 05/TSC-MSTT ban hành kèm theo Nghị định 186/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP và kèm theo các hồ sơ, tài liệu liên quan gồm:

- a) Hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ: 01 bản chính.
- b) Hóa đơn bán hàng: 01 bản chính hoặc bản sao theo quy định.
- c) Phiếu bảo hành: 01 bản chính.
- d) Hồ sơ kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bản chính.
- đ) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có trách nhiệm tiếp nhận, kế toán, quản lý, sử dụng tài sản được trang bị theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

**Điều 14. Thanh toán tiền mua sắm hàng hóa, dịch vụ**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ cho nhà thầu được lựa chọn.

2. Việc thanh toán tiền mua sắm hàng hóa, dịch vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật, theo thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ đã ký với nhà thầu được lựa chọn.

**Điều 15. Quyết toán, thanh lý hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm thanh lý hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ với nhà thầu được lựa chọn và quyết toán kinh phí mua sắm hàng hóa, dịch vụ.

2. Việc quyết toán, thanh lý hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật và hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ đã ký với nhà thầu được lựa chọn.

**Điều 16. Bảo hành, bảo trì hàng hóa, dịch vụ**

1. Nhà thầu được lựa chọn cung cấp hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm bảo hành, bảo trì đối với hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp.

2. Nội dung công việc bảo hành, thời hạn bảo hành, chi phí liên quan và trách nhiệm của các bên (cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ, đơn vị mua sắm tập trung và nhà thầu trúng thầu) phải được thể hiện trong hồ sơ mời thầu, thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ.

3. Trường hợp nhà thầu vi phạm thỏa thuận về bảo hành, bảo trì hàng hóa, dịch vụ thì sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật.

**Chương III**

**QUY TRÌNH MUA SẮM TẬP TRUNG  
THEO CÁCH THỨC KÝ HỢP ĐỒNG TRỰC TIẾP**

**Điều 17. Đăng ký nhu cầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ có nhu cầu mua hàng hóa, dịch vụ thuộc các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thuộc nguồn ngân sách nhà nước mà nhà tài trợ có yêu cầu áp dụng theo cách thức ký hợp đồng trực tiếp có trách nhiệm lập văn bản đăng ký mua sắm tập trung, gửi đầu mối đăng ký mua sắm tập trung.

2. Trên cơ sở đăng ký của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ, đầu mối đăng ký mua sắm tập trung tổng hợp gửi Đơn vị mua sắm tập trung trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

### **Điều 18. Tổng hợp nhu cầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ**

Đơn vị mua sắm tập trung có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

### **Điều 19. Lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

Đơn vị mua sắm tập trung thực hiện việc lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

**Điều 20. Tổ chức lựa chọn nhà thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu**

Đơn vị mua sắm tập trung thực hiện việc tổ chức lựa chọn nhà thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

### **Điều 21. Ký kết hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ**

Căn cứ kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ, Đơn vị mua sắm tập trung đàm phán, ký hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ với nhà thầu được lựa chọn.

### **Điều 22. Bàn giao, tiếp nhận hàng hóa, dịch vụ**

1. Căn cứ hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ đã ký kết, Đơn vị mua sắm tập trung thông báo kế hoạch và thời gian bàn giao hàng hóa, dịch vụ cho cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ chậm nhất là 15 ngày trước ngày bàn giao.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm tiếp nhận, hạch toán kế toán, quản lý, sử dụng hàng hóa, dịch vụ được trang bị theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Việc bàn giao, tiếp nhận hàng hóa, dịch vụ được thực hiện giữa ba bên (nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ, Đơn vị mua sắm tập trung và cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ). Địa điểm bàn giao, tiếp nhận hàng hóa, dịch vụ cần phải thuận lợi cho cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng hàng hóa, dịch vụ và tiết kiệm chi phí khi bàn giao, tiếp nhận hàng hóa, dịch vụ.

3. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải lập thành Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

### **Điều 23. Thanh toán tiền mua sắm hàng hóa, dịch vụ**

Việc thanh toán cho nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ được thực hiện một trong các phương thức sau:

1. Đơn vị mua sắm tập trung đề nghị cơ quan quản lý chương trình, dự án chuyển tiền thanh toán cho nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

2. Đơn vị mua sắm tập trung đề nghị cơ quan quản lý chương trình, dự án chuyển tiền cho đơn vị mua sắm tập trung để thanh toán cho nhà thầu.

3. Đơn vị mua sắm tập trung thanh toán cho nhà thầu trong trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền giao dự toán mua sắm cho đơn vị mua sắm tập trung.

4. Việc thanh toán tiền mua sắm hàng hóa, dịch vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật và hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ đã ký với nhà thầu được lựa chọn.

### **Điều 24. Quyết toán, thanh lý hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ**

1. Đơn vị mua sắm tập trung có trách nhiệm thanh lý hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ với nhà thầu được lựa chọn.

2. Quyết toán kinh phí mua sắm tài sản:

a) Đơn vị mua sắm tập trung có trách nhiệm quyết toán với cơ quan quản lý chương trình, dự án mà cơ quan quản lý chương trình, dự án chuyển tiền cho đơn vị mua sắm tập trung để thanh toán cho nhà thầu.

b) Đơn vị mua sắm tập trung có trách nhiệm quyết toán kinh phí mua sắm trong trường hợp giao dự toán mua sắm cho đơn vị mua sắm tập trung.

c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có trách nhiệm quyết toán kinh phí mua sắm tài sản trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

3. Việc quyết toán, thanh lý hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật và hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ đã ký với nhà thầu được lựa chọn.

#### **Điều 25. Bảo hành, bảo trì hàng hóa, dịch vụ**

Nhà thầu được lựa chọn thực hiện bảo hành, bảo trì hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Điều 16 Quy chế này.

### **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 26. Đơn vị mua sắm tập trung**

1. Xây dựng dự thảo tiêu chuẩn kỹ thuật và mức giá dự toán của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung.

2. Tập hợp nhu cầu, lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục áp dụng mua sắm tập trung theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Hoàn thiện, ký kết thỏa thuận khung với nhà thầu được lựa chọn cung cấp hàng hóa, dịch vụ, phát hành tài liệu mô tả chi tiết các hàng hóa, dịch vụ được lựa chọn.

4. Cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và các nội dung phải công khai khác theo quy định.

5. Tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện mua sắm điện tử theo quy định.

6. Rà soát chặt chẽ thỏa thuận khung với nhà thầu trước khi thông báo cho đấu thầu mới đăng ký mua sắm tập trung và cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ.

7. Theo dõi, giám sát việc thực hiện thỏa thuận khung, ký kết hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ, bàn giao tiếp nhận, bảo hành, bảo trì hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp phát sinh tình huống ngoài thỏa thuận khung, vượt thẩm quyền quyết định, Đơn vị mua sắm tập trung kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định.

8. Tiếp nhận, xử lý thông tin phản hồi từ các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ; kịp thời báo cáo các cơ quan liên quan, xử lý các vấn đề phát sinh.

9. Báo cáo tình hình thực hiện mua sắm tập trung theo quy định pháp luật.

10. Thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

11. Các nhiệm vụ khác của đơn vị mua sắm tập trung theo quy định pháp luật.

### **Điều 27. Sở Tư pháp**

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng và Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt tiêu chuẩn kỹ thuật và mức giá dự toán của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung.

2. Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy, triển khai có hiệu quả nhiệm vụ mua sắm tập trung.

3. Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản thực hiện các nhiệm vụ về mua sắm tập trung theo quy định pháp luật; kiểm tra hoạt động mua sắm tập trung tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản.

4. Phối hợp với Sở Tài chính giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ mua sắm tập trung tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai các quy định pháp luật, chỉ đạo của các cơ quan có thẩm quyền liên quan về mua sắm tập trung.

6. Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tổng hợp ý kiến phản ánh của các cơ quan, đơn vị đăng ký mua sắm tập trung để rút kinh nghiệm và thực hiện mua sắm đảm bảo hiệu quả, chất lượng.

### **Điều 28. Sở Tài chính**

1. Định kỳ rà soát, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung (trừ thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm và các tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng) trên địa bàn Thành phố.

2. Phối hợp với Sở Tư pháp có ý kiến đối với dự thảo tiêu chuẩn kỹ thuật và mức giá dự toán của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung. Xem xét, có ý kiến đối với kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố nguồn kinh phí thực hiện mua sắm hàng hóa, dịch vụ áp dụng theo phương thức mua sắm tập trung theo phân cấp ngân sách và các quy định hiện hành.

4. Trên cơ sở báo cáo tình hình tổ chức thực hiện nhiệm vụ mua sắm tập trung của Đơn vị mua sắm tập trung hàng năm, chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp báo cáo Bộ Tài chính hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Tài chính về mua sắm tập trung trên địa bàn Thành phố.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các đơn vị có liên quan trong việc giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ mua sắm tập trung của Thành phố.

6. Phối hợp với đơn vị có chức năng trong việc kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong lĩnh vực mua sắm tập trung theo thẩm quyền.

7. Phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai các quy định pháp luật, chỉ đạo của các cơ quan có thẩm quyền liên quan về mua sắm tập trung.

### **Điều 29. Đầu mối đăng ký mua sắm tập trung**

1. Phổ biến, quán triệt nội dung Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan về mua sắm tập trung tại cơ quan, tổ chức và các đơn vị trực thuộc.

2. Phối hợp với Đơn vị mua sắm tập trung thực hiện tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ đúng thời hạn quy định.

3. Lựa chọn thời gian, hình thức phù hợp để thông báo thông tin của nhà thầu đã được Đơn vị mua sắm tập trung ký kết thỏa thuận khung cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ.

4. Lựa chọn thời gian, hình thức phù hợp để triển khai, tập trung các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ tại 01 địa điểm để ký kết hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ với nhà thầu đã được Đơn vị mua sắm tập trung ký kết thỏa thuận khung trong thời hạn do Đơn vị mua sắm tập trung thông báo.

5. Theo dõi, đôn đốc việc ký kết hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

6. Kịp thời trao đổi, báo cáo khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan đến hoạt động mua sắm tập trung.

7. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ đã ký kết giữa nhà thầu và các đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ gửi về cho Đơn vị mua sắm tập trung trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện hợp đồng để theo dõi, quản lý.

### **Điều 30. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ**

1. Phổ biến, quán triệt nội dung Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan về mua sắm tập trung tại cơ quan, tổ chức và các đơn vị trực thuộc (nếu có).

2. Phối hợp với Đơn vị mua sắm tập trung thực hiện mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung đúng quy trình theo quy định.

3. Tuân thủ, thực hiện nghiêm túc việc mua sắm tập trung theo đúng dự toán đã được phê duyệt, nhu cầu mua sắm đã đăng ký và thỏa thuận khung; công khai mua sắm tập trung theo quy định.

4. Tiếp nhận, theo dõi trên sổ kế toán, quản lý, sử dụng hàng hóa, dịch vụ được trang bị theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

5. Báo cáo tình hình tiếp nhận, sử dụng hàng hóa, dịch vụ về đầu mối đăng ký mua sắm tập trung.

6. Có trách nhiệm cung cấp thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu, cung cấp thông tin về chất lượng hàng hóa đã được sử dụng theo hợp đồng theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

7. Cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác của nhu cầu, sự phù hợp tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản; trường hợp gây thất thoát, lãng phí phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

### **Điều 31. Kho bạc nhà nước**

Kho bạc nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn và thực hiện thanh toán đối với các khoản mua sắm từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; không thanh toán các khoản kinh phí mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung

nhưng không thực hiện mua sắm tập trung hoặc hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ không phù hợp với thỏa thuận khung và quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

### **Điều 32. Nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ**

1. Ký và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm tại Thỏa thuận khung đã ký kết với Đơn vị mua sắm tập trung và hợp đồng mua sắm đã ký kết với đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ.

2. Thực hiện đúng thời hạn bàn giao hàng hóa, dịch vụ cho các đơn vị trực tiếp sử dụng theo quy định trong Thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ.

3. Bảo hành, bảo trì hàng hóa, dịch vụ theo đúng quy định của nhà sản xuất và thỏa thuận giữa nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ với Đơn vị mua sắm tập trung và đơn vị trực tiếp sử dụng hàng hóa, dịch vụ.

4. Ký các biên bản bàn giao, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ theo quy định; báo cáo tiến độ thực hiện với Đơn vị mua sắm tập trung.

5. Tổng hợp các bản sao Hợp đồng mua sắm, biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận hàng hóa, dịch vụ gửi về Đơn vị mua sắm tập trung để theo dõi, quản lý theo quy định.

6. Thực hiện đầy đủ các cam kết nêu trong hồ sơ dự thầu.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 33. Kiến nghị, khiếu nại, tố cáo**

1. Quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan có quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo tại Khoản 1 Điều này theo quy định pháp luật liên quan.

#### **Điều 34. Xử lý vi phạm**

Cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định tại Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy tố trách

nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

### **Điều 35. Trách nhiệm thi hành**

1. Các Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh vướng mắc thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết.

2. Khi xét thấy cần thiết, Sở Tư pháp phối hợp với các cơ quan có liên quan đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định pháp luật hiện hành./.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 30/2026/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số  
của Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 194/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông báo số 310-TB/ĐU ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố về kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố về chủ trương ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 2728/TTr-SKHCN ngày 30 tháng 3 năm 2026.

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định “Ban hành Quy chế quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của Thành phố”, như sau:

**Điều 1. Ban hành Quy chế**

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của Thành phố.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 6 năm 2026.

2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 99/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của Thành phố.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Công an Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Cường**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của Thành phố Hồ Chí Minh**  
(Kèm theo Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2026  
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, trách nhiệm của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong hoạt động quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số (bao gồm xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác, sử dụng) theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 40 Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15.

2. Quy chế này không áp dụng đối với việc chia sẻ dữ liệu số chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước được quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước. Việc chia sẻ dữ liệu số chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành Thành phố, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn Thành phố, Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu trên địa bàn Thành phố; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dữ liệu số là dữ liệu về sự vật, hiện tượng, sự kiện, bao gồm một hoặc kết hợp các dạng âm thanh, hình ảnh, chữ số, chữ viết, ký hiệu được thể hiện dưới dạng kỹ thuật số. Trong Quy chế này, dữ liệu được hiểu là dữ liệu số.

2. Dữ liệu dùng chung là dữ liệu được tiếp cận, chia sẻ, khai thác, sử dụng chung trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

3. Dữ liệu dùng riêng là dữ liệu được tiếp cận, chia sẻ, khai thác, sử dụng trong phạm vi nội bộ của cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

4. Dữ liệu mở là dữ liệu mà mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu đều được tiếp cận, chia sẻ, khai thác, sử dụng.

5. Đơn vị chủ quản dữ liệu là cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu theo yêu cầu của chủ sở hữu dữ liệu.

6. Đơn vị sử dụng dữ liệu là các cơ quan, đơn vị thực hiện việc kết nối, tiếp nhận, khai thác và sử dụng dữ liệu chia sẻ đúng phạm vi cho phép nhằm phục vụ cho nhu cầu quản lý, phát triển hệ thống thông tin thuộc thẩm quyền quản lý.

#### **Điều 4. Giá trị pháp lý của dữ liệu được chia sẻ**

Giá trị pháp lý của dữ liệu được chia sẻ thực hiện theo quy định của Luật Giao dịch điện tử và các quy định của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 5. Nguyên tắc chung**

1. Việc quản lý kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, đồng thời không được trái với các quy định chuyên ngành.

2. Việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu phải phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung, Khung kiến trúc dữ liệu các Bộ, ngành, Khung kiến trúc số Thành phố, Khung kiến trúc dữ liệu Thành phố, Khung quản trị, quản lý dữ liệu Thành phố.

3. Dữ liệu hình thành trong hoạt động của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của Thành phố, cần được bảo tồn, chia sẻ và khai thác nhằm phục vụ các hoạt động của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố hướng tới phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

4. Việc quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu phải đảm bảo thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng mục đích; bảo đảm an toàn, bảo mật và đúng phạm vi chức năng, nhiệm vụ,

quyền hạn; phục vụ hiệu quả hoạt động cung cấp dịch vụ công, quản trị, điều hành, khai thác giá trị dữ liệu, phục vụ tốt cho công tác giám sát, phản biện xã hội.

5. Các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố phải có trách nhiệm chia sẻ dữ liệu thuộc danh mục dữ liệu dùng chung về Kho dữ liệu dùng chung của Thành phố và chia sẻ cho các đơn vị có nhu cầu theo quy định của pháp luật; không thu thập, tổ chức thu thập lại dữ liệu hoặc yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin, dữ liệu trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính nếu dữ liệu này đã được cơ quan nhà nước khác cung cấp, sẵn sàng cung cấp thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu, trừ trường hợp dữ liệu đó không bảo đảm yêu cầu về chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành hoặc pháp luật có quy định khác.

6. Dữ liệu của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố cần được đồng bộ, thống nhất và có tài liệu mô tả chi tiết. Dữ liệu dùng chung cần được quản lý tập trung tại Kho dữ liệu dùng chung của Thành phố.

7. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu thuộc danh mục dữ liệu dùng chung của Thành phố đều phải thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Thành phố, trừ trường hợp văn bản pháp luật về dữ liệu có quy định khác.

8. Dữ liệu của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố cần được chuẩn hoá theo đúng theo các yêu cầu của các Bộ, ngành Trung ương (nếu có) để có thể sẵn sàng tích hợp vào các cơ sở dữ liệu quốc gia khi có yêu cầu.

9. Việc chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước không làm ảnh hưởng tới quyền lợi và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan, không được xâm phạm quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình trừ trường hợp văn bản pháp luật về dữ liệu có quy định khác.

10. Dữ liệu kết nối, chia sẻ dữ liệu phải đảm bảo tính cập nhật và chính xác theo quy định của pháp luật.

11. Việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu phải tuân thủ các quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, pháp luật về giao dịch điện tử và an toàn thông tin mạng.

## **Điều 6. Các hành vi không được làm**

Các đơn vị, tổ chức, cá nhân khi tham gia vào các hoạt động liên quan đến quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của Thành phố không được thực hiện các hành vi được nêu tại Điều 10 Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15.

**Chương II**  
**QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, TRUY CẬP, CHIA SẺ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG**  
**DỮ LIỆU SỐ GIỮA CÁC CƠ QUAN THUỘC HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Điều 7. Nguyên tắc quản lý dữ liệu số trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố**

1. Dữ liệu trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố được tổ chức thống nhất, được phân cấp quản lý theo trách nhiệm quản lý của từng cơ quan, đơn vị. Dữ liệu, cơ sở dữ liệu trong nội bộ của cơ quan, đơn vị phải được tổ chức, lưu trữ tạo thuận lợi cho việc chia sẻ cho các cơ quan, đơn vị bên ngoài.

2. Việc tạo lập, thông tin dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố phải sử dụng thống nhất dữ liệu danh mục dùng chung, từ điển dữ liệu dùng chung, dữ liệu chủ do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

3. Các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố đều có thể khai thác sử dụng dữ liệu vào mục đích phục vụ tác nghiệp và điều hành trong phạm vi chức năng của cơ quan, đơn vị. Đặc biệt là để cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp, nâng cao hiệu suất nghiệp vụ chuyên ngành và phục vụ lãnh đạo cơ quan ra chính sách và quyết định qua thống kê, phân tích, đánh giá, dự báo.

4. Các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố được cấp tài khoản và phân quyền khai thác, sử dụng dữ liệu theo quy định về quyền truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu và các quy định khác có liên quan.

5. Các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố không được yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp lại dữ liệu mà cơ quan đó đang quản lý hoặc dữ liệu đó được cơ quan nhà nước khác sẵn sàng chia sẻ và đáp ứng được yêu cầu, trừ trường hợp yêu cầu cung cấp dữ liệu phục vụ cập nhật hoặc sử dụng cho mục đích xác minh, thẩm tra dữ liệu.

6. Các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố phải lưu lại lịch sử cập nhật, cung cấp, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu làm căn cứ đối chiếu, giải quyết các vấn đề về việc sử dụng sau khi khai thác.

7. Nghiêm cấm việc mua bán, trao đổi, chia sẻ dữ liệu trái quy định của pháp luật.

8. Mọi vi phạm, hành vi đánh cắp dữ liệu, hành vi lạm dụng, sử dụng dữ liệu không phải vì mục đích phục vụ tác nghiệp và điều hành của cơ quan, đơn vị hoặc sử dụng dữ liệu vì mục đích cá nhân hay thương mại mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền, phải được báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân Thành phố và sẽ được xử lý nghiêm theo đúng quy định của pháp luật.

### **Điều 8. Cơ sở dữ liệu trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố**

1. Cơ sở dữ liệu trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu dùng chung Thành phố;

b) Cơ sở dữ liệu dùng riêng trong nội bộ một hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị không thuộc điểm a khoản này.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Công an Thành phố, Trung tâm Chuyên đổi số Thành phố và Đơn vị chủ quản dữ liệu xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành, cập nhật danh mục các cơ sở dữ liệu dùng chung thuộc Thành phố quản lý.

### **Điều 9. Cổng dữ liệu Thành phố**

1. Là đầu mối cung cấp thông tin kỹ thuật, tình hình kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố.

2. Là đầu mối cung cấp dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng nhằm thúc đẩy sáng tạo, phát triển kinh tế, xã hội.

3. Các đơn vị thực hiện truy cập Cổng dữ liệu Thành phố tại địa chỉ <https://data.hochiminhcity.gov.vn/> theo tài khoản được cấp phát và phân quyền truy cập dữ liệu.

### **Điều 10. Dữ liệu chủ**

1. Dữ liệu chủ là tập hợp các dữ liệu chứa các thông tin nền tảng, cơ bản nhất, mô tả các đối tượng quản lý cốt lõi, ổn định của Thành phố, được sử dụng thống nhất trong toàn bộ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Thành phố nhằm phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội.

2. Dữ liệu chủ được quản lý tập trung, có định danh thống nhất, làm cơ sở để tham chiếu, đồng bộ giữa các cơ sở dữ liệu hoặc các tập dữ liệu khác nhau, đồng thời bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy

định.

3. Dữ liệu chủ được quản lý theo thuộc tính dữ liệu cơ bản, ổn định, không phụ thuộc vào quy trình nghiệp vụ hay giao dịch phát sinh. Ưu tiên kế thừa, sử dụng dữ liệu chủ từ các cơ sở dữ liệu quốc gia; chỉ xây dựng dữ liệu chủ đặc thù đối với các lĩnh vực riêng của Thành phố.

4. Dữ liệu chủ bao gồm:

a) Dữ liệu chủ của Thành phố là dữ liệu chủ được kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng chung trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội của Thành phố.

b) Dữ liệu chủ chuyên ngành là dữ liệu chủ được kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng trong phạm vi nội bộ của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội của Thành phố.

5. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Công an Thành phố, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành, cập nhật Danh mục dữ liệu chủ của Thành phố, đảm bảo đồng bộ, thống nhất với Danh mục dữ liệu chủ quốc gia.

6. Đơn vị chủ quản dữ liệu có trách nhiệm xác định, ban hành danh mục dữ liệu chủ chuyên ngành thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý của đơn vị.

7. Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố thực hiện công bố Danh mục dữ liệu chủ tại Cổng dữ liệu Thành phố.

### **Điều 11. Dữ liệu danh mục dùng chung**

1. Dữ liệu danh mục dùng chung của Thành phố là tập hợp các bảng mã, danh sách phân loại, chuẩn hóa thông tin được sử dụng chung, thống nhất trong toàn bộ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Thành phố.

2. Ưu tiên kế thừa, sử dụng dữ liệu danh mục dùng chung do các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương ban hành. Thành phố chỉ xây dựng dữ liệu danh mục dùng chung đối với các nhóm đối tượng đặc thù chưa được chuẩn hóa ở cấp quốc gia.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Công an Thành phố, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành, cập nhật dữ liệu danh mục dùng chung của Thành phố, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với dữ liệu danh mục dùng chung quốc gia.

## **Điều 12. Dữ liệu chuyên ngành**

1. Dữ liệu chuyên ngành là dữ liệu phát sinh trong quá trình thực hiện nghiệp vụ quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực, phản ánh trạng thái, quá trình và kết quả hoạt động quản lý, điều hành.

2. Đơn vị chủ quản dữ liệu có trách nhiệm rà soát, lập danh mục chi tiết các dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý của đơn vị. Ưu tiên kế thừa, sử dụng danh mục dữ liệu chuyên ngành do các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương ban hành; chỉ xây dựng danh mục đặc thù đối với các lĩnh vực riêng của Thành phố.

## **Điều 13. Kiểm tra, đánh giá, duy trì dữ liệu**

1. Dữ liệu phải được kiểm tra, đánh giá, duy trì định kỳ hàng năm.

2. Nội dung kiểm tra, đánh giá dữ liệu bao gồm:

a) Kiểm kê các hạng mục nội dung dữ liệu;

b) Đánh giá tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về dữ liệu;

c) Đánh giá chất lượng dữ liệu bao gồm: độ chính xác dữ liệu, độ toàn vẹn của dữ liệu, dữ liệu bất thường;

d) Đánh giá về duy trì, vận hành, cập nhật dữ liệu, nhật ký cập nhật, khai thác của dữ liệu;

đ) Đánh giá về chia sẻ dữ liệu, đối tượng sử dụng, mục đích chia sẻ phù hợp với các quy định, quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ;

e) Đề xuất các hoạt động cần thiết để duy trì dữ liệu (nếu có).

3. Đơn vị chủ quản dữ liệu có trách nhiệm tự tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ dữ liệu và gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ **trước ngày 15 tháng 12 hàng năm**.

4. Đơn vị chủ quản dữ liệu có trách nhiệm thực hiện các biện pháp để duy trì dữ liệu theo kết quả kiểm tra, đánh giá dữ liệu.

## **Điều 14. Hướng dẫn về việc truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu**

1. Đơn vị chủ quản dữ liệu chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm ban hành các hướng dẫn về việc truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu. Đối với từng loại dữ liệu, bao gồm ít nhất các thông tin sau:

a) Đơn vị nào được phép truy cập, sử dụng dữ liệu.

b) Đơn vị nào được phép cập nhật, chỉnh sửa dữ liệu. Trong trường hợp có nhiều cá nhân, tổ chức tham gia cập nhật, chỉnh sửa dữ liệu thì cần xác định rõ một cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm xác nhận dữ liệu cuối cùng được cập nhật nhằm đảm bảo tính chính xác, nhất quán của dữ liệu.

2. Hướng dẫn về quyền truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu phải được công bố công khai.

### **Điều 15. Phân quyền truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu**

1. Trừ trường hợp chia sẻ dữ liệu không yêu cầu xác thực cơ quan khai thác dữ liệu (*đã thể hiện trong hướng dẫn về việc truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu đã ban hành*), việc kết nối và chia sẻ dữ liệu cho cơ quan khai thác sử dụng tài khoản kết nối với hình thức định danh và xác thực phù hợp cho cơ quan, tổ chức có nhu cầu kết nối theo quy định của pháp luật.

2. Đối với cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố có trách nhiệm phân quyền truy cập, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu dữ liệu cho các đơn vị có nhu cầu.

3. Đối với dữ liệu khác, Đơn vị chủ quản dữ liệu có trách nhiệm phân quyền truy cập, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu dữ liệu cho các đơn vị có nhu cầu.

4. Việc phân quyền truy cập dữ liệu phải đảm bảo thực hiện theo các hướng dẫn về việc truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu do Đơn vị chủ quản dữ liệu ban hành theo Điều 14 Quy chế này, đồng thời không được trái với các quy định chuyên ngành.

### **Điều 16. Dịch vụ chia sẻ dữ liệu**

1. Việc kết nối, cung cấp, khai thác dữ liệu giữa các nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị Thành phố phải thực hiện qua các dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

2. Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố có trách nhiệm thiết lập và công bố các dịch vụ chia sẻ dữ liệu, các tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ mục đích truy cập dữ liệu thuộc danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố.

3. Đơn vị chủ quản dữ liệu có trách nhiệm thiết lập và công bố các dịch vụ chia sẻ dữ liệu, các tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ mục đích truy cập dữ liệu thuộc

phạm vi quản lý của đơn vị (không bao gồm cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố).

4. Nội dung thông tin về dịch vụ chia sẻ dữ liệu bao gồm:

a) Tên dịch vụ;

b) Đơn vị cung cấp;

c) Địa chỉ cung cấp dịch vụ;

d) Nội dung dữ liệu chia sẻ;

đ) Hình thức chia sẻ;

e) Cấu trúc dữ liệu trao đổi của dữ liệu được chia sẻ tuân thủ theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành;

g) Mô hình kết nối;

h) Phương thức chia sẻ;

i) Các yêu cầu khi khai thác;

k) Các thông số, tài liệu kỹ thuật cần thiết kèm theo.

#### **Điều 17. Từ điển dữ liệu dùng chung**

1. Từ điển dữ liệu dùng chung là hệ thống tài liệu và công cụ kỹ thuật định nghĩa thống nhất tên gọi, mô tả, định dạng, đơn vị tính, mối liên kết và cách sử dụng của các trường dữ liệu được sử dụng phổ biến giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị nhằm bảo đảm kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu hiệu quả.

2. Đơn vị chủ quản dữ liệu chủ trì xây dựng và công bố từ điển dữ liệu của các cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

3. Các cá nhân, tổ chức khi tham gia vào hoạt động tạo lập, truy cập, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu của Thành phố có trách nhiệm tuân thủ theo các quy định của từ điển dữ liệu.

#### **Điều 18. Hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu**

1. Cơ quan cung cấp dữ liệu và cơ quan khai thác, sử dụng dữ liệu có trách nhiệm bảo đảm điều kiện hạ tầng phục vụ kết nối, trao đổi dữ liệu bao gồm:

a) Hệ thống thông tin và hạ tầng kết nối mạng phù hợp để cung cấp dữ liệu, khai thác dữ liệu;

b) Công cụ, biện pháp để bảo vệ dữ liệu và xác thực dữ liệu trong quá trình chia sẻ, sử dụng dữ liệu;

c) Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi dữ liệu được quản lý, lưu trữ, xử lý, truyền tải trên hệ thống của đơn vị theo quy định của pháp luật;

d) Các điều kiện kỹ thuật khác phục vụ kết nối, cung cấp dữ liệu và khai thác và sử dụng dữ liệu.

2. Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố chủ trì, xây dựng, duy trì, vận hành Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu Thành phố phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước Thành phố và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác.

### **Điều 19. Giám sát hoạt động xử lý dữ liệu**

1. Nguyên tắc giám sát hoạt động xử lý dữ liệu:

a) Hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị Thành phố phải được giám sát liên tục, công khai và có truy vết;

b) Việc giám sát được thực hiện thông qua hệ thống kỹ thuật và cơ chế quản lý do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

2. Giám sát hoạt động xử lý dữ liệu bao gồm:

a) Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát tiến độ kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng; trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

b) Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố có trách nhiệm vận hành hệ thống kỹ thuật giám sát việc kết nối, chia sẻ dữ liệu; kiểm tra, giám sát việc tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật trong quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu đối với các hệ thống thông tin trên địa bàn Thành phố; trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

c) Công an Thành phố có trách nhiệm giám sát việc thực hiện công tác đảm bảo an toàn thông tin, việc tuân thủ các quy định về an ninh mạng, an toàn thông tin, pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và Bộ Tư lệnh Thành phố có trách nhiệm thực hiện việc giám sát hoạt động, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc phối hợp với các đơn vị được nêu tại khoản 2 Điều này để thực hiện.

**Điều 20. Tạm ngừng kết nối, cung cấp dữ liệu trên môi trường mạng**

1. Cơ quan cung cấp dữ liệu tạm ngừng cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu cho tất cả các cơ quan khai thác trong trường hợp sau:

a) Nâng cấp, mở rộng, bảo trì hệ thống thông tin, cơ sở hạ tầng thông tin;

b) Trường hợp bất khả kháng làm gián đoạn cung cấp dịch vụ, kết nối hoặc có ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống thông tin, sự an toàn dữ liệu.

2. Cơ quan cung cấp dữ liệu tạm ngừng cung cấp dữ liệu cho một hoặc một số cơ quan khai thác trong những trường hợp sau:

a) Cơ quan khai thác vi phạm quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu;

b) Kết nối dữ liệu được xác định có khả năng làm mất an toàn, an ninh.

3. Trong trường hợp tạm ngừng kết nối, cung cấp dịch vụ theo điểm a khoản 1 Điều này, cơ quan cung cấp phải thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử của đơn vị ít nhất 07 ngày làm việc trước khi chủ động tạm ngừng cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu; thông báo khoảng thời gian dự kiến phục hồi các hoạt động cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu để sửa chữa, khắc phục các sự cố hoặc nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng thông tin; đồng thời có phương án dự phòng nhằm hỗ trợ, tránh làm gián đoạn việc khai thác dữ liệu của các cơ quan, đơn vị, đặc biệt các hoạt động khai thác dữ liệu phục vụ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

Thời gian thực hiện nâng cấp, mở rộng, bảo trì hệ thống phải thực hiện trong thời gian ngắn nhất và hạn chế thấp nhất rủi ro cho cơ quan khai thác, sử dụng dữ liệu do việc gián đoạn, tạm ngừng cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu gây ra.

4. Trong trường hợp bất khả kháng phải tạm ngừng cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu theo điểm b khoản 1 Điều này, cơ quan cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu phải thông báo công khai bằng hình thức phù hợp và tiến hành nhanh chóng các biện pháp khắc phục sự cố.

5. Trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan cung cấp dữ liệu thông báo bằng văn bản cho cơ quan khai thác dữ liệu trong thời gian chậm nhất 01 ngày kể từ thời điểm xác định vi phạm những nội dung sau:

a) Nội dung vi phạm quy định, quy chế, phương án xử lý vi phạm;

b) Những yêu cầu cần thiết cần thực hiện để duy trì hoặc khôi phục kết nối.

**Điều 21. Chấm dứt kết nối, chia sẻ dữ liệu qua môi trường mạng**

1. Cơ quan cung cấp dữ liệu có quyền chấm dứt việc kết nối, chia sẻ dữ liệu qua môi trường mạng cho cơ quan khai thác dữ liệu trong các trường hợp sau:

a) Có sự thay đổi, điều chỉnh về quyền truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu dẫn đến việc sử dụng dữ liệu của cơ quan khai thác dữ liệu không còn phù hợp;

b) Việc kết nối không thể khôi phục do sự cố hoặc do điều kiện khách quan mà cơ quan cung cấp dữ liệu không thể tiếp tục duy trì các dịch vụ chia sẻ dữ liệu;

c) Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền phù hợp với các quy định của pháp luật;

d) Cơ quan khai thác dữ liệu không có nhu cầu tiếp tục kết nối và khai thác dữ liệu.

2. Cơ quan cung cấp dữ liệu có trách nhiệm thông báo kết quả chấm dứt kết nối, chia sẻ dữ liệu cho cơ quan khai thác dữ liệu và các cơ quan có liên quan.

**Điều 22. Đảm bảo an toàn thông tin trong quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu**

1. Chủ quản hệ thống thông tin tham gia vào quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi dữ liệu được quản lý, lưu trữ, xử lý, truyền tải trên hệ thống của mình.

2. Cơ quan khai thác dữ liệu có trách nhiệm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi kết nối, tiếp nhận dữ liệu chia sẻ theo quy định của cơ quan cung cấp dữ liệu và các quy định của pháp luật.

3. Việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu cơ quan nhà nước chỉ được thực hiện thông qua Mạng truyền số liệu chuyên dùng của Thành phố.

4. Các hoạt động thay đổi về dữ liệu dùng chung phải được ghi vào nhật ký của Kho dữ liệu dùng chung.

**Điều 23. Thu thập, cập nhật, đồng bộ dữ liệu vào Trung tâm dữ liệu quốc gia**

1. Các sở, ban, ngành có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương thực hiện việc xây dựng, tạo lập, chuẩn hóa, làm sạch, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ việc khai thác, sử dụng dữ liệu dùng chung.

2. Trung tâm Chuyên đổi số Thành phố là đầu mối kỹ thuật thực hiện kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu từ Kho dữ liệu của Thành phố và Trung tâm dữ liệu quốc gia.

### **Chương III** **DỮ LIỆU MỞ CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**

#### **Điều 24. Nguyên tắc cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước**

1. Hoạt động cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước cho tổ chức, cá nhân thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- a) Dữ liệu mở phải toàn vẹn và phản ánh đúng đủ dữ liệu từ nguồn dữ liệu gốc;
- b) Dữ liệu mở không được tiết lộ thông tin cá nhân; đã được đánh giá và hạn chế nguy cơ, rủi ro tiết lộ thông tin cá nhân khi dữ liệu mở kết hợp với các thông tin khác;
- c) Dữ liệu mở được cung cấp là dữ liệu được cập nhật mới nhất theo tần suất cập nhật được công bố;
- d) Dữ liệu mở phải có khả năng truy cập sử dụng được trên môi trường mạng;
- đ) Dữ liệu mở phải đảm bảo khả năng thiết bị số có thể gửi, nhận, lưu trữ và xử lý được;
- e) Tổ chức, cá nhân được tự do truy cập sử dụng dữ liệu mở, khai thác, sử dụng dữ liệu mở;
- g) Sử dụng dữ liệu mở là miễn phí;
- h) Bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng trong quá trình sử dụng dữ liệu mở, bao gồm cả rủi ro do dữ liệu mở gây ra hoặc rủi ro khi dữ liệu mở kết hợp với dữ liệu khác gây ra;
- i) Ưu tiên cung cấp dữ liệu mở đối với dữ liệu mà người dân, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng cao.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Đơn vị chủ quản dữ liệu, Trung tâm Chuyên đổi số Thành phố có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành danh mục dữ liệu mở của Thành phố.

#### **Điều 25. Quy định sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được phép tự do sao chép, chia sẻ, trao đổi, sử

dụng dữ liệu mở hoặc kết hợp dữ liệu mở với dữ liệu khác; sử dụng dữ liệu mở vào sản phẩm, dịch vụ thương mại hoặc phi thương mại của mình, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải trích dẫn, ghi nhận thông tin sử dụng dữ liệu mở trong các sản phẩm, tài liệu liên quan có sử dụng dữ liệu mở.

3. Dữ liệu mở của cơ quan nhà nước là dữ liệu nguyên trạng như được công bố; không bao gồm các hình thức trình bày và các thông tin phát sinh từ dữ liệu mở đã được cung cấp.

4. Cơ quan nhà nước không chịu trách nhiệm cho bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại phát sinh của cơ quan, tổ chức, cá nhân do việc sử dụng dữ liệu mở gây ra.

#### **Điều 26. Phương thức, cách thức công bố dữ liệu mở của cơ quan nhà nước**

1. Dữ liệu mở của cơ quan nhà nước được cung cấp qua các phương thức sau:

- a) Cung cấp dữ liệu được đóng gói và cho phép tổ chức, cá nhân tải về sử dụng;
- b) Cung cấp dữ liệu thông qua các dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

2. Dữ liệu mở phải được công bố trên Cổng dữ liệu Thành phố.

### **Chương IV**

#### **KINH PHÍ VÀ NGUỒN NHÂN LỰC THỰC HIỆN**

#### **Điều 27. Kinh phí tạo lập, quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu**

1. Kinh phí tạo lập, quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách và trong phạm vi dự toán ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

2. Khuyến khích áp dụng hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, tận dụng nguồn lực của các thành phần kinh tế đầu tư phát triển hệ thống, ngân sách nhà nước chi trả tiền thuê dịch vụ hàng năm.

3. Ngoài kinh phí do ngân sách nhà nước Thành phố bảo đảm, các cơ quan, đơn vị được sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện tạo lập dữ liệu, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu.

**Điều 28. Nguồn nhân lực thực hiện tạo lập, quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu**

1. Nhân lực thực hiện tạo lập, kết nối, chia sẻ dữ liệu được tận dụng từ nguồn nhân lực tại chỗ đang thực hiện quản lý, vận hành các hệ thống thông tin; thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị cung cấp và sử dụng dữ liệu có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện về nhân lực phục vụ quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu.

**Chương V****TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC  
QUẢN LÝ, KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU****Điều 29. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ**

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các quy định, chính sách về quản trị, chia sẻ, khai thác và bảo mật dữ liệu.

2. Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, đánh giá, kiểm tra việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị Thành phố, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu.

3. Chủ trì, phối hợp với Công an Thành phố, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố thực hiện giám sát việc tổ chức tạo lập, quản trị, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu của các cơ quan nhà nước Thành phố (bao gồm dữ liệu mở).

4. Hướng dẫn, hỗ trợ cơ quan, đơn vị kết nối ra ngoài phạm vi Thành phố.

5. Phối hợp các đơn vị thực hiện tổ chức các chương trình tập huấn, đào tạo liên quan đến việc khai thác, vận hành cơ sở dữ liệu.

**Điều 30. Trách nhiệm của Công an Thành phố**

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và an ninh dữ liệu đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng dữ liệu và hạ tầng dữ liệu của Thành phố.

2. Chủ trì, hướng dẫn các đơn vị thực hiện biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3. Phối hợp thực hiện giám sát việc xây dựng, tạo lập, quản lý, kết nối, chia sẻ khai thác dữ liệu.

**Điều 31. Trách nhiệm của Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố**

1. Đảm bảo các điều kiện hạ tầng kỹ thuật và vận hành Kho dữ liệu dùng chung của Thành phố, Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Thành phố. Phối hợp triển khai kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu và chia sẻ khai thác dữ liệu tại Kho dữ liệu dùng chung Thành phố.

2. Hướng dẫn kỹ thuật kết nối; chủ trì tích hợp các cơ sở dữ liệu thuộc danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, danh mục dữ liệu mở của Thành phố về Kho dữ liệu dùng chung Thành phố.

3. Vận hành Cổng dữ liệu Thành phố.

4. Hỗ trợ Đơn vị chủ quản dữ liệu trong việc xây dựng và công bố từ điển dữ liệu của các cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

5. Chủ trì, phối hợp với Đơn vị chủ quản dữ liệu thiết lập và công bố các dịch vụ chia sẻ dữ liệu, các tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ mục đích truy cập, cập nhật cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố.

6. Có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý các yêu cầu về triển khai dịch vụ chia sẻ dữ liệu mới (đối với dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở của Thành phố).

7. Thực hiện báo cáo về tình hình quản trị, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu cho Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hàng năm.

**Điều 32. Trách nhiệm của Đơn vị chủ quản dữ liệu**

1. Phân công 01 cán bộ lãnh đạo và 01 cán bộ kỹ thuật làm đầu mối để phối hợp thực hiện các công việc liên quan đến quản lý và chia sẻ dữ liệu.

2. Xác định, ban hành danh mục dữ liệu chủ chuyên ngành thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý của đơn vị.

3. Rà soát, lập danh mục chi tiết các dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý của đơn vị.

4. Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố trong việc xây dựng và công bố từ điển dữ liệu của các cơ sở dữ liệu dùng chung thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

5. Chịu trách nhiệm trong việc thu thập, tạo lập, duy trì, cập nhật dữ liệu vào Kho dữ liệu dùng chung theo danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung và danh mục dữ liệu mở của Thành phố. Bảo đảm việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu về Kho dữ liệu dùng

chung kịp thời, nhất quán, chính xác, đầy đủ và liên tục, theo đó các dữ liệu phát sinh mới phải được cập nhật về Kho dữ liệu dùng chung theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và tần suất cập nhật theo từ điển dữ liệu đã công bố và các danh mục dữ liệu được ban hành.

6. Phối hợp xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo hướng dẫn và kế hoạch của Bộ, ngành, cơ quan Trung ương.

7. Xây dựng các quy định về quyền cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu trong phạm vi quản lý của đơn vị theo Điều 14 Quy chế này.

8. Chủ trì thiết lập các dịch vụ chia sẻ dữ liệu, các tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ mục đích truy cập các cơ sở dữ liệu do đơn vị quản lý (không bao gồm cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố).

9. Có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý các yêu cầu về triển khai dịch vụ chia sẻ dữ liệu mới đối với các cơ sở dữ liệu do đơn vị quản lý (không bao gồm cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố).

10. Thường xuyên cung cấp thông tin cho Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình và tiến độ triển khai cơ sở dữ liệu chuyên ngành; đồng thời, phối hợp với Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, cung cấp các tài liệu kỹ thuật cần thiết để thực hiện tích hợp cơ sở dữ liệu chuyên ngành về Kho dữ liệu dùng chung nhằm phục vụ cho công tác chia sẻ, khai thác.

11. Có trách nhiệm tự tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ dữ liệu và gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ **trước ngày 15 tháng 12 hàng năm**.

### **Điều 33. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

Trên cơ sở dự toán do các cơ quan, đơn vị xây dựng, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí hàng năm cho các cơ quan, đơn vị để triển khai các nhiệm vụ về xây dựng, tạo lập, quản lý, làm sạch, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, phù hợp với phân cấp quản lý ngân sách và khả năng cân đối ngân sách của Thành phố.

### **Điều 34. Trách nhiệm của Đơn vị sử dụng dữ liệu**

1. Phân công 01 cán bộ lãnh đạo và 01 cán bộ kỹ thuật làm đầu mối để phối hợp thực hiện các công việc liên quan đến tiếp nhận và khai thác dữ liệu.

2. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi kết nối, tiếp nhận dữ liệu chia sẻ theo

quy định của cơ quan cung cấp dữ liệu và các quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân chỉ sử dụng dữ liệu được khai thác và sử dụng dữ liệu đúng phạm vi cho phép theo các quy định, quy chế, hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ, Công an Thành phố và Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố.

4. Đảm bảo an toàn bảo mật thông tin của dữ liệu được cấp quyền khai thác, không rò rỉ, chia sẻ thông tin với đơn vị bên ngoài nếu không có chấp thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền, trừ dữ liệu mở đã được công bố.

5. Được phép phát triển hệ thống thông tin sử dụng dữ liệu đã được cấp quyền truy cập để phục vụ cho nhu cầu quản lý của đơn vị. Khi đó, đơn vị sử dụng dữ liệu có trách nhiệm đáp ứng các yêu cầu về bảo mật dữ liệu và quy định về quyền truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu theo Điều 14 Quy chế này.

6. Thông báo cho Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố trong trường hợp phát hiện các vấn đề ảnh hưởng đến kết nối, chia sẻ dữ liệu số, dữ liệu không chính xác, không được cập nhật kịp thời.

7. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Đơn vị chủ quản dữ liệu để giải quyết các vướng mắc trong quá trình chia sẻ, sử dụng dữ liệu.

## **Chương VI** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 35. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

1. Các cơ quan, đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tuân thủ và thực hiện Quy chế này sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định.

2. Mọi hành vi vi phạm các điều khoản trong Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định.

### **Điều 36. Tổ chức thực hiện**

1. Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm tổ chức triển khai và thực hiện Quy chế này tại đơn vị.

2. Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quy chế này.

---

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

## VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3048/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2026

#### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính  
mới ban hành; và được sửa đổi, bổ sung trong một số lĩnh vực  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của

*Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 6164/TTr-SVHTT ngày 19 tháng 5 năm 2026.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **07** thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao, gồm: 02 thủ tục mới ban hành và 05 thủ tục được sửa đổi, bổ sung.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026 đến hết ngày 01 tháng 3 năm 2027.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục:

- Thứ tự 10 Phụ lục II, thứ tự 1 Phụ lục VII ban hành kèm theo Quyết định số 3328/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao.

- Thứ tự A.3, A.8 tại danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao.

- Thứ tự II.2 danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 2151/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung các lĩnh vực Văn hóa; Báo chí thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân

cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Cường**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VÀ ĐƯỢC  
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI  
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

TT	Mã số TTH C	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>Lĩnh vực Điện ảnh (Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2026 đến ngày 01/3/2027)</b>							
1	1.011 452	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim tại Việt Nam	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố: + Khu vực I: Số 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. + Khu vực II: Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. + Khu vực III: Số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.	Ủy ban nhân dân Thành phố	Không quy định	- Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15; - Thông tư số 09/2026/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phân cấp thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Quyết định số 1122/QĐ-BVHTTDL ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ

TT	Mã số TTH C	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.			Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
<b>Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử (Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2026 đến ngày 01/3/2027)</b>							
2	1.004 104	Công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố: + Khu vực I: Số 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. + Khu vực II: Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. + Khu vực III: Số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Sở Văn hóa và Thể thao	Không quy định	- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Thông tư số 24/2016/TT-BTTTT ngày 15 tháng 11 năm 2016 quy định về quản lý chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ

TT	Mã số TTH C	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							<p>sung một số điều của các Thông tư có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</p> <p>- Thông tư số 09/2026/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phân cấp thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</p> <p>- Quyết định số 1122/QĐ-BVHTTDL ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

**B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung**

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>Lĩnh vực Xuất bản, in và phát hành (Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2026 đến ngày 01/3/2027)</b>							
1	2.001594	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố: + Khu vực I: Số 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.	Ủy ban nhân dân Thành phố	Không có	- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
2	2.001584	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	+ Khu vực II: Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. + Khu vực III: Số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Ủy ban nhân dân Thành phố	Không có	- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản; - Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông; - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							<p>hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;</p> <p>- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật 7 xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;</p> <p>- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của</p>

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							<p>Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh;</p> <p>- Thông tư số 09/2026/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phân cấp thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</p> <p>- Quyết định số 1122/QĐ-BVHTTDL ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>
<b>Lĩnh vực Báo chí (Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2026 đến 01/3/2027)</b>							
3	1.009386	Văn bản chấp thuận	15 ngày kể từ ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công	Ủy ban nhân dân cấp	Không quy định.	- Luật Báo chí số 126/2025/QH15 ngày 10 tháng 12

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin	nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>Thành phố: + Khu vực I: Số 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>+ Khu vực II: Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>+ Khu vực III: Số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p>	tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh được giao quyền		<p>năm 2025;</p> <p>- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san;</p> <p>- Thông tư số 09/2026/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phân cấp thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</p> <p>- Quyết định số 1122/QĐ-BVHTTDL ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể</p>

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
<b>Lĩnh vực hoạt động mua bán quốc tế chuyên ngành văn hóa (Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2026 đến ngày 01/3/2027)</b>							
4	1.003560	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố: + Khu vực I: Số 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. + Khu vực II: Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. + Khu vực III: Số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Văn hóa và Thể thao	Đối với các sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu dưới đây thì mức thu như sau: 1. Mức thu phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác như sau: a) Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa: - Đối với bản ghi âm: 140.000 đồng/1 block	- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.		<p>thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 100.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).</p> <p>- Đối với bản ghi hình: 200.000 đồng/1 block thứ nhất cộng (+) mức phí tăng thêm là 140.000 đồng cho mỗi block tiếp theo (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).</p> <p>b) Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác:</p> <p>- Đối với bản ghi âm: + Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 1.400.000</p>	<p>2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</p> <p>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu;</p> <p>- Thông tư số 153/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp một số khoản phí, lệ phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch;</p> <p>- Thông tư số 09/2026/TT-BVHTTDL ngày</p>

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<p>đồng/chương trình; + Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 1.400.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 34.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 4.670.000 đồng/chương trình. - Đối với bản ghi hình: + Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 1.670.000 đồng/chương trình; + Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 1.670.000 đồng/chương trình cộng (+) mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không</p>	<p>29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phân cấp thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Quyết định số 1122/QĐ-BVHTTDL ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<p>quá 6.000.000 đồng/chương trình.</p> <p>2. Chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác;</p> <p>chương trình nghệ thuật biểu diễn sau khi thẩm định không đủ điều kiện cấp giấy phép thì không được hoàn trả số phí thẩm định đã nộp.</p>	

**Lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm (Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2026 đến ngày 01/3/2027)**

5	2.001496	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu nhằm mục đích kinh doanh	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố:</p> <p>+ Khu vực I: Số 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>+ Khu vực II: Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường</p>	Ủy ban nhân dân Thành phố	<p><b>1. Đối với tác phẩm mỹ thuật</b></p> <p>+ Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đồng/ tác phẩm/lần thẩm định. + Đối với tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm số 49: 270.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.</p>	<p>- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</p> <p>- Thông tư số</p>
---	----------	---	---	---	---------------------------	--	--

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. + Khu vực III: Số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.		+ Đối với tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng. <b>2. Đối với tác phẩm nhiếp ảnh:</b> + Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/ tác phẩm/lần thẩm định. + Đối với tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm số 49: 90.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định. + Đối với tác phẩm thứ 50 trở đi: 80.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.	260/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung văn hóa phẩm xuất khẩu, nhập khẩu; - Thông tư 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Thông tư số 09/2026/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về phân cấp

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
							thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Quyết định số 1122/QĐ-BVHTTDL ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3069/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bãi bỏ Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ);*

*Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ);*

*Căn cứ Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tổ chức lại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở hợp nhất Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Thành phố Hồ Chí Minh, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Bình Dương và tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy về lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật từ Chi cục Chăn nuôi và Trồng trọt tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 5377/TTr-SNV ngày 02 tháng 4 năm 2026; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 5161/TTr-SNNMT-CCBVTV ngày 05 tháng 3 năm 2026; ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ văn bản

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

### Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Cường**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3084/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 5 năm 2026

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành trước sắp xếp về định mức kinh tế - kỹ thuật đối với hoạt động báo in, báo điện tử, phát thanh và truyền hình sử dụng ngân sách Nhà nước**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Theo đề nghị của Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 5347/TTr-SVHTT ngày 01 tháng 5 năm 2026 và ý kiến thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.*

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1. Bãi bỏ các Quyết định**

Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành trước sắp xếp về định mức kinh tế - kỹ thuật đối với hoạt động báo in, báo điện tử, phát thanh và truyền hình sử dụng ngân sách Nhà nước, bao gồm:

1. Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5. Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình Thành phố, Tổng Biên tập các cơ quan báo chí thuộc Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Cường**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3181/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 5 năm 2026

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính  
mới ban hành lĩnh vực Viễn thông và Internet thuộc phạm vi  
chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 4590/TTr-SKHCHN ngày 20 tháng 5 năm 2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **04** thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ có hiệu lực.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Chuyên đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Cường**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC  
VIỄN THÔNG VÀ INTERNET THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ  
CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3181/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Báo cáo đăng ký chuyển giao New gTLD	11 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.</li> <li>+ Khu vực I: Số 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>+ Khu vực II: Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>+ Khu vực III: Số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</li> </ul>	Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Không có	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet, thông tin trên mạng;</li> <li>- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;</li> <li>- Quyết định số 2466/QĐ-BKHHCN ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.</li> </ul>
2	Báo cáo hoạt động Tổ chức quản lý	19 ngày làm việc kể từ ngày	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.</li> </ul>	Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Không có	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;</li> <li>- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD)	nhận được hồ sơ hợp lệ	<p>+ Khu vực I: Số 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>+ Khu vực II: Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>+ Khu vực III: Số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p>	phố		<p>09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet, thông tin trên mạng;</p> <p>- Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;</p> <p>- Quyết định số 2466/QĐ-BKHHCN ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>
3	Báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.</p> <p>+ Khu vực I: Số 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức,</p>	Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Không có	<p>- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;</p> <p>- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet, thông tin trên mạng;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Nam		<p>Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>+ Khu vực II: Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>+ Khu vực III: Số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p>			<p>- Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;</p> <p>- Quyết định số 2466/QĐ-BKHHCN ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>
4	Đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”	11 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố.</p> <p>+ Khu vực I: Số 43 Nguyễn Văn Bá, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>+ Khu vực II: Tòa nhà Trung</p>	Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Không có	<p>- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;</p> <p>- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet, thông tin trên mạng;</p> <p>- Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>+ Khu vực III: Số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p>			<p>định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</p> <p>- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/04/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;</p> <p>- Quyết định số 2466/QĐ-BKHHCN ngày 18/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2026

**CHỈ THỊ**

**Về công tác tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026  
và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2026 - 2027  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, giáo dục nghề nghiệp năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2026/TT-BGDĐT;

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Công văn số 621/BGDĐT-GDPT ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường quản lý, chỉ đạo công tác tuyển sinh mầm non, tuyển sinh đầu cấp tiểu học, trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông năm học 2026 - 2027;

Căn cứ Công văn số 2757/BGDĐT-QLCL ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường các giải pháp phòng, chống việc sử dụng công nghệ cao để gian lận trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026;

Để Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026 (sau đây gọi tắt là Kỳ thi), việc huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2026 - 2027 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được triển khai nghiêm túc, khách quan, trung thực, an toàn, cơ bản đáp ứng mục tiêu đặt ra trong đánh giá kết quả giáo dục, năng lực học sinh;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Giám đốc Sở Giáo dục và Đào

tạo, Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu (cấp xã) thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao, trong đó, tập trung vào một số nội dung trọng tâm sau:

1. Thực hiện tốt công tác chuẩn bị cho Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026, các kỳ thi tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2026 - 2027, trong đó:

### **1.1. Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông**

Chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí; bố trí nhân lực đủ tiêu chuẩn tham gia các khâu của Kỳ thi; thực hiện đúng Quy chế thi, Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; bố trí phòng thi dự phòng tại mỗi Điểm thi để xử lý tình huống phát sinh; thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng chống thiên tai, dịch bệnh.

Quy hoạch Điểm thi theo nguyên tắc thuận lợi cho thí sinh, phù hợp điều kiện giao thông; bảo đảm đủ điều kiện cơ sở vật chất, camera giám sát, điện, mạng Internet, phòng cháy chữa cháy, an ninh trật tự và các điều kiện phòng chống gian lận công nghệ cao theo Quy chế thi.

Nâng cao hiệu quả việc kiểm tra, giám sát bảo đảm kỷ luật, kỷ cương của Kỳ thi, bảo đảm tất cả các khâu trước, trong và sau của Kỳ thi đều được kiểm tra, giám sát; tập trung phòng ngừa hành vi gian lận dưới mọi hình thức, nhất là sử dụng công nghệ cao; việc công bố kết quả Kỳ thi phải chính xác, kịp thời, đồng bộ, minh bạch theo quy định.

### **1.2. Huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh đầu cấp**

Tổ chức tuyển sinh đúng thẩm quyền theo quy định phân cấp quản lý; bảo đảm đủ chỗ học cho toàn bộ học sinh trong độ tuổi, ưu tiên nguyên tắc học gần nhà, không phân chia theo địa giới hành chính cấp xã; phối hợp các phường, xã giáp ranh điều tiết chỗ học hợp lý, giải quyết linh hoạt các trường hợp đặc biệt; tuyệt đối không để học sinh không có trường; bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ phổ cập giáo dục trên địa bàn. Hướng dẫn, chỉ đạo tuyển sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú phù hợp quy mô và khả năng tiếp nhận của cơ sở giáo dục.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số, tích hợp giấy tờ gọn nhẹ, đơn giản, thực hiện đăng ký dự thi 100% trực tuyến và đẩy mạnh truyền thông trong công tác tuyển sinh; thống nhất một hệ thống tuyển sinh trên toàn Thành phố, tạo điều kiện thuận lợi cho phụ huynh đăng ký nhập học cho trẻ, quy trình công khai, minh bạch, đơn giản, rõ ràng.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp các sở, ngành, Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu và chỉ đạo các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện công tác tổ chức các Kỳ thi và tuyển sinh đầu cấp đảm bảo các nội dung sau:

- Là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm chính chỉ đạo và triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức các Kỳ thi, tuyển sinh đầu cấp cho toàn ngành; thực hiện an toàn, bảo mật công tác ra đề thi, in sao đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo, xét duyệt tốt nghiệp và chỉ đạo cấp văn bằng theo đúng Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Tổ chức kiểm tra công tác chuẩn bị và tổ chức các Kỳ thi, bảo đảm tuyệt đối an toàn, trung thực, không xảy ra sai sót, tiêu cực, vi phạm Quy chế thi;

- Phối hợp với Công an Thành phố và các cơ quan liên quan hỗ trợ công tác xác thực dữ liệu cư trú phục vụ tuyển sinh đầu cấp; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy chế, gian lận trong kỳ thi đặc biệt là việc sử dụng công nghệ cao để gian lận; đồng thời thường xuyên theo dõi, rà soát và phối hợp xử lý kịp thời các thông tin sai sự thật, tin giả, thông tin chưa được kiểm chứng liên quan đến Kỳ thi và công tác tuyển sinh trên không gian mạng, mạng xã hội nhằm ổn định dư luận, bảo vệ quyền lợi của học sinh, phụ huynh;

- Trên cơ sở công bố kết quả thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ động phân tích dữ liệu, đối chiếu với kết quả học tập của học sinh để báo cáo, đánh giá chất lượng dạy và học của các nhà trường trên địa bàn Thành phố;

- Giám sát việc tổ chức tuyển sinh vào các lớp đầu cấp của Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu năm học 2026 - 2027; kịp thời hướng dẫn về chuyên môn, báo cáo và tham mưu Ban Chỉ đạo Thành phố xử lý đúng quy định những nội dung chưa phù hợp;

- Thường xuyên tổng hợp tình hình, kết quả, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Chỉ đạo thi tốt nghiệp trung học phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026 và Ban Chỉ đạo các kỳ thi tuyển sinh đầu cấp năm học 2026 - 2027.

3. Sở Y tế chỉ đạo các cơ sở y tế, các bệnh viện trên địa bàn sẵn sàng phối hợp với các Điểm in sao đề thi, Điểm thi, Điểm chấm thi, hỗ trợ công tác phòng chống dịch bệnh, tạo điều kiện ưu tiên cấp cứu và chăm sóc sức khỏe cho học sinh; chứng nhận bệnh, thương tích chính xác và nhanh chóng khi có những bất trắc xảy ra trong quá trình thi, xử lý kịp thời khi có các tình huống phát sinh.

4. Công an Thành phố phối hợp bảo đảm tính bảo mật, an toàn tuyệt đối cho các

kỳ thi từ khâu ra đề thi, in sao đề thi; bảo vệ các Điểm thi, Điểm in sao đề thi, Điểm chấm thi; cùng tham gia áp tải, trực 24/24 bảo vệ đề thi, bài thi theo đúng quy chế và kế hoạch;

- Chỉ đạo lực lượng cảnh sát giao thông có kế hoạch trực chốt và phối hợp với Sở Xây dựng, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố giải tỏa nhanh các khu vực kẹt xe trong các ngày diễn ra Kỳ thi, tạo điều kiện để giáo viên và học sinh đến Điểm thi, Điểm chấm thi đúng giờ quy định;

- Chỉ đạo lực lượng phòng cháy và chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ có kế hoạch kiểm tra an toàn cháy nổ tại các Điểm thi, Điểm chấm thi; bố trí trực 24/24 trên các địa bàn có Điểm thi để kịp thời giải quyết khi có sự cố xảy ra; bố trí lực lượng hỗ trợ công tác an ninh trật tự trước cổng các Điểm thi;

- Giám sát, theo dõi và phối hợp xử lý sự cố (nếu có) thông tin liên quan đến các kỳ thi, công tác tuyển sinh đầu cấp tại Thành phố trên không gian mạng;

- Chỉ đạo lực lượng Công an các xã, phường, đặc khu phối hợp Phòng Văn hóa - Xã hội địa phương trong việc rà soát xác thực dữ liệu thông tin học sinh với dữ liệu dân cư quốc gia, đảm bảo độ chính xác phục vụ công tác tuyển sinh năm học 2026 - 2027.

5. Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở An toàn thực phẩm, Thanh tra Thành phố, Lực lượng Thanh niên xung phong, Viễn thông Thành phố, Tổng Công ty Điện lực Thành phố, Bưu điện Thành phố tích cực phối hợp, chủ động tham gia cùng với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu triển khai công tác chuẩn bị tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026, các kỳ thi tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2026 - 2027 bảo đảm thuận lợi, an toàn, nghiêm túc, hiệu quả.

#### 6. Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu

- Chỉ đạo các đơn vị trường học trên địa bàn hướng dẫn phụ huynh đăng ký trực tuyến trên Cổng tuyển sinh đầu cấp (<https://tuyensinhdaucap.hcm.edu.vn>); bố trí thiết bị, nhân sự hỗ trợ cho người dân chưa nắm vững kỹ thuật;

- Bố trí đủ chỗ học cho toàn bộ học sinh trong độ tuổi tuyển sinh có tên trên hệ thống tuyển sinh Thành phố theo đúng tinh thần không phân chia theo địa giới hành chính cấp xã, học sinh được học gần nhà; phối hợp chặt chẽ với các phường, xã giáp ranh để điều tiết, bố trí chỗ học hợp lý; giải quyết linh hoạt các trường hợp đặc biệt;

tuyệt đối không để xảy ra tình trạng cục bộ địa phương hoặc học sinh không có trường.

Đề nghị Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, kịp thời và tổ chức thi hành nghiêm túc Chỉ thị này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Cường**

---

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, phường Sài Gòn

Điện thoại: (028)38.233.686

Fax:(028)38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: <https://congbao.hochiminhcity.gov.vn>